

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THANH HOÁ  
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 78/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/ 7/2022

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH**

**N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HOÁ - TỈNH THANH HOÁ**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Nguyệt
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Nguyễn Hồng Vân ;  
2. Bà Nguyễn Thị Loan;
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Hương - Thư ký TAND thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân thành phố Thanh Hóa tham gia phiên tòa:***

Bà Vũ Thị Hồng Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 305 /2022/TLST- HNGĐ ngày 23/5/2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đ- a vụ án ra xét xử số 128/2022/QĐXX-ST ngày 24 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 115/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đ- ơng sự:

1. Nguyên đơn: Ông Lê Văn L – Sinh năm 1971 ( Có mặt)

Địa chỉ: L, phường T, thành phố T.

2. Bị đơn: Bà Mai Thị N - Sinh năm 1972 ( Vắng mặt)

Nơi cư trú cuối cùng: L, phường T, thành phố T.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/5/2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn ông Lê Văn L trình bày: Ông và bà Mai Thị N kết hôn với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 1995 thì phát sinh mâu thuẫn bà N đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, từ đó đến nay. Ông L và gia đình đã tìm mọi cách tìm kiếm bà N nhưng có tin tức gì về bà N. Đến tháng 11 năm 2021 ông L

đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà N. Tại quyết định số 10/2022/QĐST – DS ngày 18/4/2022 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với bà Mai Thị N. Nay ông L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Mai Thị N.

*Về con chung:* Ông L và bà N có 01 con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 13/9/1993 đã thành niên. Ly hôn ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Về tài sản, công nợ chung:* Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Mai Thị N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã làm thủ tục niêm yết các văn bản triệu tập hợp lệ theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa ông L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện..

Bà N đã bị Tòa án tuyên bố mất tích. Tòa án đã niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự trong qua trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã nộp yêu cầu khởi kiện, cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh để đảm bảo quyền và lợi ích của mình, có mặt theo giấy triệu tập và chấp hành các quyết định của Tòa án, và thực hiện các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn: Bị đơn hiện không có mặt tại địa phương, đã bị Tòa án tuyên bố mất tích từ tháng 4 năm 2022, vì vậy không có lời khai, không tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; không tham gia phiên tòa, không thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Tòa án đã niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử 02 lần cho bị đơn, căn cứ Điều 227, 228 BLTTDS Tòa án vẫn tiến hành xét xử là đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được, Viện kiểm sát thấy rằng: Xét về hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Mai Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn vào năm 1993 có đăng ký kết hôn tại UBND phường P, thành phố T xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình sinh sống hòa thuận đến năm 1995 thì bà N đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, từ đó đến nay. Ông L và gia đình đã tìm mọi cách tìm kiếm bà N nhưng có tin tức gì về bà N. Đến tháng 11 năm 2021 ông L đã yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà N. Tại quyết định số 10/2022/QĐST – DS ngày 18/4/2022 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với bà Mai Thị N. Nay ông L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà Mai Thị N. Xét thấy, bà N đã bỏ đi mất tích, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởi kiện của ông L.

Xét về con chung: Ông L và bà N có 01 con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 13/9/1993 đã thành niên. Ly hôn ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không xét.

Về tài sản và công nợ: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Căn cứ: Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của ông Lê Văn L.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa nhận định:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn bà Mai Thị N đã bị mất tích. Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Do vậy Tòa án căn cứ khoản 2 Điều 227; Điều 228 BLTTDS để xét xử vắng mặt đối với bà Mai Thị N.

[2]. Về hôn nhân: Ông Lê Văn L và bà Mai Thị N kết hôn với nhau vào năm 1993 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa là hôn nhân hợp pháp .

Quá trình vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì bà N đã bỏ nhà đi khỏi địa phương, từ đó đến nay không có tin tức gì. Ông L và gia đình đã tìm mọi cách tìm kiếm bà N nhưng có tin tức gì về bà N. Đến tháng 11 năm 2021 ông L đã

yêu cầu Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà N. Tại quyết định số 10/2022/QĐST – DS ngày 18/4/2022 Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã tuyên bố mất tích đối với bà Mai Thị N. Từ khi Tòa án tuyên bố mất tích đối với bà N đến nay vẫn không có tin tức gì về bà N. Điều này đã được thể hiện qua lời khai của ông L và xác nhận của chính quyền địa phương nơi ông bà cư trú cư trú ( BL: 24; 25 ). Nay ông L xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông và bà N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn bà N. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân gia đình xử cho ông Lê Văn L được ly hôn bà Mai Thị N.

[3]. Về con chung: Ông L và bà N có 01 con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 13/9/1993 đã thành niên. Ly hôn ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4]. Về tài sản và công nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

[5]. Về án phí: Ông L phải chịu 300.000đ án phí Ly hôn sơ thẩm theo Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; 273 BLTTDS; điểm a khoản 5, Điều 27, khoản 1.1 điều 1 phần II, mục A Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án

1. Về hôn nhân: Xử cho ông Lê Văn L được ly hôn bà Mai Thị N.

2. Về con chung: Ông L và bà N có 01 con chung là cháu Lê Tuấn A, sinh ngày 13/9/1993 đã thành niên.

3. Về tài sản, công nợ chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết .

4. Về án phí: Ông L phải chịu án phí phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng ông đã nộp theo biên lai số: AA/2021/001929 ngày 20/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa. Ông L đã nộp đủ.

*Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc ngày niêm yết bản án./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND tp Thanh Hóa;
- Chi cục THADS tp Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND ph P;
- Lưu Hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hoàng Thị Nguyệt**